

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2024

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con  
và hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Chí Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đặng Thị Thu Vui.

2. Ông Trương Quang Trung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bé Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con và hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thúy K, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Ấp D, xã V, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Thanh X, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Ấp D, xã V, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng N; Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng:* Ông Nguyễn Ngọc S; Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam huyện N, tỉnh Long An. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 2665/QĐ-NHN<sub>0</sub>-PC ngày 01/12/2022).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 01 năm 2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Thúy K trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Sau thời gian tìm hiểu bà và ông Nguyễn Văn Thanh X đã tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T vào ngày 22/8/2017. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống không đồng thuận, vợ chồng thường xuyên cự cãi, đồng thời bà mâu thuẫn với gia đình chồng. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ ngày 20/11/2023 cho đến nay. Bà **K** thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông **X**.

2. *Về con chung*: Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên **Nguyễn Thị Kim T**, sinh ngày: 08/01/2016, giới tính: nữ và **Nguyễn Đăng K1**, sinh ngày: 28/5/2021, giới tính: nam. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên **Đăng K1**, ông **X** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên **Kim T**.

Bà **K** yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc **Nguyễn Đăng K1**, sinh ngày: 28/5/2021, giới tính: nam. Bà **K** đồng ý giao con chung con tên **Nguyễn Thị Kim T**, sinh ngày: 08/01/2016, giới tính: nữ cho ông **X** trực tiếp nuôi dưỡng.

3. *Về cấp dưỡng*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về nợ chung*: Vợ chồng bà có nợ **Ngân hàng N** thông qua **chi nhánh huyện T, tỉnh Long An** số tiền 380.000.000 đồng.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 Xương vắng mặt nên không có văn bản trình bày.*

*Ngân hàng N trình bày:*

Khoản vay của ông **X**, bà **K** được đảm bảo bằng tài sản thế chấp, hiện khoản vay chưa đến hạn, khách hàng chưa vi phạm các điều khoản cam kết. Nay bà **K**, ông **X** ly hôn thì **Ngân hàng N** xin không tham gia tố tụng, nếu sau này ông **X**, bà **K** vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Vợ chồng bà **K**, ông **X** có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà **K** nhận thấy mối quan hệ giữa bà và ông **X** phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến gây gổ với nhau, ông **X** không quan tâm, chăm sóc gia đình, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ. Hơn nữa, bà **K** và ông **X** đã sống ly thân từ tháng 11/2023 đến nay nên yêu cầu của bà **K** về việc ly hôn với ông **X** là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về con chung: Bà **K** yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Đăng K1**, sinh ngày: 28/5/2021, giới tính: nam là có cơ sở chấp nhận vì: từ khi vợ chồng ly thân thì bà **K** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **K1** và cháu **K1** dưới 36 tháng tuổi nên cần để mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo vật chất lẫn tinh



thần. Do đó, yêu cầu của bà **K** có căn cứ chấp nhận theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Bà **K** đồng ý để ông **X** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Thị Kim T**, sinh ngày: 08/01/2016, giới tính: Nữ là sự tự nguyện nên được ghi nhận.

- Về cấp dưỡng: Bà **K** không yêu cầu ông **X** cấp dưỡng nuôi con và bà cũng không cấp dưỡng nuôi con và ông **X** cũng không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà **K** không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***Về thủ tục tố tụng:***

Quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp “Ly hôn, nuôi con và hợp đồng tín dụng” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông **Nguyễn Văn Thanh X** cư trú tại **ấp D, xã V, huyện T, tỉnh Long An**. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông **Nguyễn Văn Thanh X** không đến, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông **X** nhưng ông **X** vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### ***Về nội dung vụ án:***

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà **Lê Thị Thúy K** với ông **Nguyễn Văn Thanh X** là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2023 cho đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà **K** với ông **X** đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà **K** yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Bà **K** và ông **X** có hai con chung tên **Nguyễn Thị Kim T**, sinh ngày: 08/01/2016, giới tính: nữ và **Nguyễn Đăng K1**, sinh ngày: 28/5/2021, giới tính: nam. Bà **K** yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung **Đăng Khoa** và đồng ý giao con chung **Kim T** cho ông **X** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Xét thấy: Bà **K** đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Đăng K1** đảm bảo tốt về mọi mặt, bà **K** có thu nhập ổn định nên giao cháu **Đăng K1** cho bà **K** được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **Đăng K1** là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông **X** đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **Kim T**. Đồng thời, cháu **Kim T** có nguyện vọng sống chung với ông **X** nên giao cho ông **X** được quyền tiếp tục

nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **Kim T** là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng và tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về nợ chung: Do **Ngân hàng N** chưa yêu cầu khởi kiện nên không đề cập đến.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà **Lê Thị Thúy K** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm;

Ông **Nguyễn Văn Thanh X** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

**1. Về hôn nhân:** Bà **Lê Thị Thúy K** được ly hôn với ông **Nguyễn Văn Thanh X**.

**2. Về con chung:**

Bà **Lê Thị Thúy K** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên **Nguyễn Đăng K1**, sinh ngày: 28/5/2021, giới tính: nam.

Ông **Nguyễn Văn Thanh X** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên **Nguyễn Thị Kim T**, sinh ngày: 08/01/2016, giới tính: nữ.

Ông **Nguyễn Văn Thanh X** có nghĩa vụ giao con chung tên **Nguyễn Đăng K1**, sinh ngày: 28/5/2021, giới tính: nam cho bà **K** nuôi dưỡng, chăm sóc.

Bà **Lê Thị Thúy K** có nghĩa vụ giao con chung tên **Nguyễn Thị Kim T**, sinh ngày: 08/01/2016, giới tính: nữ cho ông **X** nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ông **Nguyễn Văn Thanh X**, bà **Lê Thị Thúy K** không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền cản trở ông **X**, bà **K** thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3. Về cấp dưỡng và tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

**4. Về án phí:**

Bà **Lê Thị Thúy K** phải chịu án phí án hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002016 ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Bà **K** đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.



Ông Nguyễn Văn Thanh X không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Vĩnh Châu B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lê Chí Dũng**